Le messianisme : conférence donnée... en l'église paroissiale de Nam inh le 22 déc. 1935... / úc Giám Muc J. B. [...]

Đức Giám-Mục J.-B. TÒNG



LE MESSIANISME



Conférence donnée par Mgr J.-B. TONG

en l'Eglise paroissiale de Nam-Dinh

(Le 4e Dimanche de l'Avent, 22 Décembre 1935)

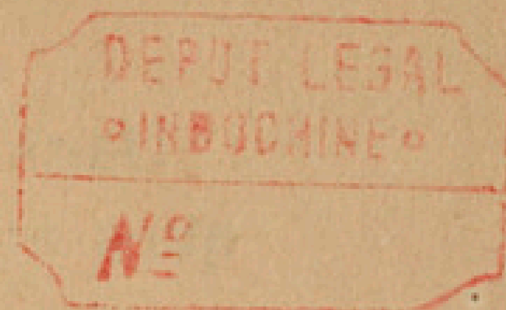


1936

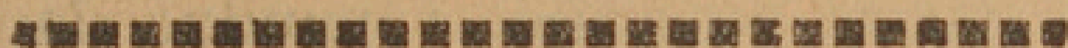
CONG-GIAO NAM-THANH NAM-DINH

XUAT BAN

Đức Giám-Mục J.-B. TÒNG

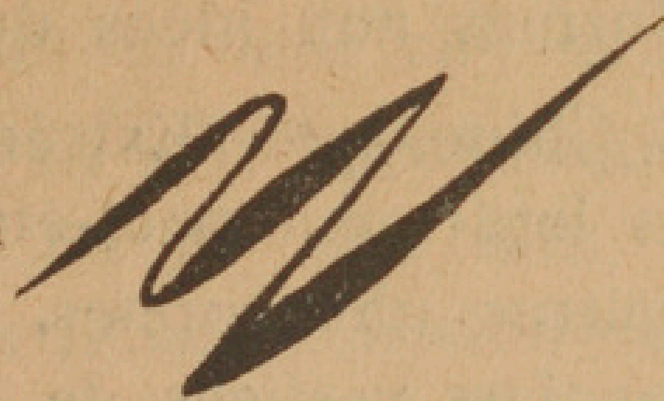


LE MESSIANISME



Conférence donnée par Mgr J.-B. TONG
en l'Eglise paroissiale de Nam-Dinh

(Le 4e Dimanche de l'Avent, 22 Décembre 1935)



1936

CONG-GIAO NAM-THANH NAM-DINH
XUAT BAN

Vénérés Pères,

Mes Frères,

Dans une conférence donnée en cetté ville, il y a quelques années, conférence que j'ai lue et relue à plusieurs reprises, et qui était signée, autant que je puis m'en souvenir « Khách du lich » on vous avait expliqué que le Christ, fondateur de la religion catholique, n'était pas un homme comme les autres hommes, qu'Il les dominait tous par sa puissance répandue dans le monde, depuis le début de la création jusqu'à nos jours et jusque dans les siècles des siècles. — Jamais il n'y eut d'homme comparable à Jésus-Christ. Et pour le faire mieux comprendre, on vous citait comme exemple Napoléon, qui eut ses jours de gloire, de puissance, et s'éteignit lamentablement entouré simplement de quelques amis fidèles, dans une île perdue au milieu de l'océan.

On vous citait nombre de grands hommes, de grands médecins, d'illustres philosophes qui avaient jeté quelqu'éclat passager durant leur courte existence, et dont les théories, longtemps admirées, avaient abouti à sombrer dans l'oubli, et à être remplacées par d'autres plus en vogue, plus conformes aux idées du jour.

Le Confucius de la Chine, que l'Extrême-Orient admirait à si juste titre, plus lentement peut-être, mais tout aussi sûrement que les autres philosophes, voyait de jour en jour s'effriter les derniers vestiges de son œuvre, et sa doctrine s'affirme maintenant impuissante à satisfaire les aspirations de la génération qui monte.

Bouddha, Mahomed, ont pu donner leurs noms à d'innombrables agglomérations d'hommes. Ils n'étaient cependant que des hommes, un peu plus clair voyants peut-être, un peu plus habiles que les autres, et néanmoins soumis comme tous les mortels aux lois du temps et de ses continuels changements, de ses perpétuels recommencements.

Về

CHÚA-CỨU-THẾ

Bài Đức Cha Jean-Baptiste TÒNG diễn-thuyết tại nhà thờ xứ Nam-Định, Chủ-nhật thứ bốn mùa Áp lễ Sinh-nhật 22 Décembre 1935

Kính các Cha,
Hỡi Anh em,

Mấy năm trước ở thành này, đã có một bài diễn-thuyết. Bài ấy tôi đã đọc đi xem lại nhiều lần, và nhớ chắc rằng ở dưới ký tên là « **Khách-du-lịch.** » Trong bài ấy diễn-giả thuyết-minh để các ngài biết rằng : Chúa Kyrixitô, đấng sáng-lập đạo Công-giáo, không phải là một người, như mọi người ta Người thống-trị hết mọi người, vì quyền-phép Người phổ-cập khắp thế-giới, suốt từ lúc khai thiên lập địa, mãi cho đến ngày nay và còn mãi cho đến đời đời.

Chẳng khi nào có một người sánh bày với Chúa Giêsu-Kirixitô được. Cho dễ hiểu hơn, diễn-giả trưng ông Nã-phá-Luân làm tỉ-dụ. Tiên sinh đã sống một đời vinh-hiển, thế-lực, nhưng rồi ra đã chết một cách âm-thầm thảm-khốc, ở tận một cái cù lao tắp tít ngoài đại-hải, duy có mấy người bạn-hữu trung-thành có mặt mà thôi.

Diễn-giả còn trưng ra nhiều bậc vĩ-nhân cự-phách, nhiều lương-y đại-danh, nhiều quân-tử hiền-hách, lúc bình-sinh cũng có được chói lọi một thời, và học-thuyết các ông đã được nhiều đời thán-phục, nhưng sau hết cũng đã bị chìm vào trong cái cõi quên, mà nhượng-bộ cho những học-thuyết khác nổi-danh, thích-thời hơn.

La doctrine de ces grands hommes n'a subsisté, qu'en tant qu'elle s'accordait avec la loi naturelle, gravée par le créateur au plus profond de l'âme de tout homme, quel qu'il soit, venu en ce monde. Tout le reste a changé, non seulement au berceau même de ces doctrines, mais encore davantage et d'une façon plus sensible, plus évidente, dans les régions éloignées, où elles avaient réussi à se répandre et à s'implanter. Les fondateurs de ces doctrines étaient des hommes, rien que des hommes. Nul ne parla d'eux avant leur naissance, nul ne les désira, que dis-je, même après leur naissance nul ne les aima et, comme je vous le disais tout à l'heure, le temps se charge d'effacer insensiblement jusqu'aux derniers vestiges de leur souvenir.

La conférence, que je vous citais il y a un instant, vous expliquait tout cela, et elle ajoutait que le Fondateur de Religion Chrétienne était plus qu'un homme, parce que la puissance de son bras s'était fait sentir dès le commencement du monde, le Christ était attendu dans toutes les nations. Il avait été promis dès la création du premier homme, comme le Sauveur de l'humanité. — On vous le montrait dans les poésies, dans les chants, dans les écrits, dans les traditions de tous les peuples de l'univers, en Europe, en Afrique, en Amérique, au Japon, au Siam ; on allait jusqu'à vous dire que le saint, dont Confucius avait annoncé la venue, était selon toutes les probabilités, Jésus-Christ, Fils de Dieu.

Je ne ferai donc que compléter la conférence, dont je viens de vous parler en montrant comment Jésus-Christ était attendu par le peuple, qu'il s'était choisi entre tous, pour conserver dans son intégrité la Révélation primitive, les promesses de Dieu. Ce peuple avait

Khổng-phu-Tử nước Tầu, một bậc Viễn-đông vẫn thán-phục, mà thán-phục cũng phải, tiên-sinh đã trông thấy, tuy có lẽ hơi muộn, nhưng cũng chắc chắn như các bậc quân-tử khác rằng : cái văn-nghiệp của mình còn một chút di-tích càng ngày càng ra cảnh tro tàn khói lạnh, cái lý-thuyết của mình phải chịu rằng : ngày nay không còn đủ sức làm thỏa được những điều ước-vọng của đời tân-tiến.

Những bậc như Thích-Ca, Mahomet thì kể có chán vạn. Nhưng các ông chỉ là người, có điều hơn người ta một chút ở chỗ thông-minh, tài-cán. Tuy vậy, các ông cũng như hết mọi người, đều phải tùng-phục những công-lệ của thời-gian chuyển vần thay đổi, hết cổ sang kim.

Lý-thuyết của những bậc vĩ-nhân đó chỉ bảo-tồn được những điều gì thuận-hợp với luật tự nhiên, Đấng Hóa-công đã ghi-tạc vào tâm-khảm mọi người từ lúc mới sinh, bất kỳ là đấng bậc nào. Còn ngoại giả đều biến cải hết, không những ngay ở chính nơi phát-tích ra lý-thuyết, đến cả trong những miền xa xôi, mà lý thuyết ấy đã được lưu-hành, thâm-nhập, lại càng biến-cải, biến-cải trông thấy, biến-cải hiển-hiện. Các kẻ sáng lập ra những lý-thuyết đó chỉ là người, là người đặc. Trước khi họ sinh ra, không một ai nói đến, không một ai mong đợi, nói gì, ngay khi họ đã sinh ra, cũng không một ai kính mến, và như tôi vừa nói ở trên, thời-gian hằng đắp-đổi mà cứ vô-tình xóa tên tuổi họ đi trong trí nhớ mọi người, cho đến một ngày quên ắng.

Bài diễn-thuyết tôi mới trưng ra minh chứng các điều ấy. Bài ấy còn thêm rằng : Đấng-Sáng-Lập đạo Thiên-Chúa là một bậc siêu-nhân, vì rằng ngay từ buổi thế-giới sơ-khai, quyền phép Người, ta đã thấy hiện-lộ. Các dân các nước đều đã trông đợi Chúa Kyrixito. Ngay từ mới dựng nên nguyên-tổ Đ. C. Trời đã phán hứa

la mission de préparer la venue du Désiré des nations, qui par son enseignement, ses exemples et aussi par ses souffrances et sa mort, devait régénérer le monde et lui procurer les moyens d'atteindre à sa fin : connaître, aimer, servir Dieu, et par là obtenir le bonheur ici-bas et dans l'éternité.

Je ne m'étendrai pas sur la vie des Patriarches de l'Ancien Testament, figure de Jésus-Christ : «Adam», premier homme, père de l'humanité tout entière, l'entraînant misérablement dans sa chute ; alors que le Christ et le Père de l'humanité nouvelle, régénérée, divinisée en quelque sorte, rendue à la participation de la nature divine et rétablie dans sa dignité première.

— « Noë, » sauvant les hommes de l'anéantissement dans les eaux du déluge, image du Christ venant à notre secours pour nous délivrer de la mort éternelle.

— « Abraham, » le père des croyants, figure du Christ, tête et chef de l'Eglise catholique. — « Isaac » figure de Jésus-Christ immolé pour le rachat du monde. «Joseph,» vendu par ses frères, comme le Christ trahi, persécuté et mis à mort par ceux de sa nation. — «Melchisédech,» image du Christ prêtre et modèle de tous les prêtres, chargés de perpétuer le sacerdoce jusqu'à la fin des temps.

Il me faudrait des heures entières pour commenter comme elle le mérite l'histoire de ces saints personnages et leurs rapports avec la Mission du Christ. — Venons-en de suite, si vous le voulez bien, aux textes de la Bible, qui se rapportent à cette Mission de Jésus-Chrit.

Et d'abord, persuadons-nous que la Bible n'est pas une invention des Catholiques pour les besoins de leur cause. Dieu dans sa providence a pourvu à tout, et a répondu à l'avance à toutes les objections, qui pourraient être faites contre la Révélation surnaturelle, con-

ban Người làm Chúa cứu-chuộc nhân-loại.— Diễn-giả chỉ cho các ngài thấy Người ở trong các bài thi ca, các bài hát xướng, các giấy tờ sách vở, các tập-truyền ở khắp các dân trên hoàn-cầu : Âu, Á, Mỹ, Phi, Nhật, Xiêm... Diễn-giả lại dám quyết rằng : Đấng thánh mà Khổng-phu-Tử đã đưa tin sẽ đến, chắc hẳn là chính Đ. C. Giêsu Kyrixitô, con Đ. C. Trời vậy.

Nay tôi có ý bổ-túc bài diễn-thuyết ấy, tôi xin bàn giải dẫn riêng Chúa Giêsu-Kyrixitô đã chọn để bảo-toàn sự Mạc-khải-ban-sơ, cùng những lời Đ. C. Trời phán hứa, thì họ đã trông đợi Người là thế nào. Dân này có cái thiên-chức sửa soạn cuộc nghênh tiếp đấng muôn dân trông đợi; Người ngự đến dùng lời giảng dạy, dùng sự làm gương, lại dùng cả sự đau khổ và sự chết mà tái-tạo thế-giới, mà cấp-liệu cho những phương-tiện để đạt đích mình : là nhận biết, kính mến, làm tôi Đ. C. Trời, cho được hạnh phúc khi còn ở thế và khi đã sang cõi đời đời.

Về các Tổ-phụ trong sấm-truyền cũ, là hình bóng Chúa Kyrixitô, tôi chỉ xin lược thuật đôi lời : Ông “ Adam ” nguyên-tổ, là cha hết cả loài người, khốn nạn quá, ông đã kéo lôi cả loài người cùng ngã vào cảnh trụy-lạc với ông ; vậy Chúa Kyrixitô cũng là cha loài người, loài người mới, loài người đã được tái - sinh, đã được như thể là thần - hóa, đã được thông - phần bản-tính Đức Chúa Trời, và đã được khai-phục chức-phẩm lúc đầu tiên.

— Ông “ Noë ” cứu loài người khỏi chết tuyệt trong kỳ đại-hồng-thủy, là hình-ảnh Chúa Kyrixitô đến phó-cứu mà giải-thoát cho ta khỏi chết đời đời.

— Ông “ Abraham ” cha những người tín-hữu, là hình bóng Chúa Kyrixitô, đầu cùng thủ lĩnh Hội - thánh Công-Giáo.

tenue dans la Bible, au point qu'il n'y aura que ceux qui n'auront pas pris la peine d'étudier ce livre, à méconnaître Jésus-Christ et son œuvre.

De toutes les dispositions prises par la Providence pour nous rassurer sur l'authencité de la Bible, il y a surtout l'existence du peuple juif. Ce peuple chargé par Dieu du précieux dépôt de la Révélation et devenu infidèle à sa mission, n'en existe pas· moins. Mieux que cela, par une permission de Dieu il est répandu par toute la terre, et reste malgré tout le témoin de l'ancien Testament. La Bible, à l'heure actuelle, est encore son livre, comme elle était celui des Juifs qui ont précédé l'avènement de Jésus-Christ. Quel est le livre qui peut offrir à ses lecteurs pareille garantie d'authenticité.

Oui, je le répète, il y a, disséminé dans le monde entier, un peuple gardien et dépositaire de la révélation primitive, dont l'histoire et les écrits étaient destinés à préparer la venue du Christ, à le désigner comme le Désiré des nations, à le dépeindre jusque dans les moindres détails de la naissance, de sa vie et de sa mort. Grâce à ce peuple nous pouvons affirmer que Jésus-Christ vivait déjà avant sa naissance et dirigeait les évènements, qui préparaient sa venue en ce monde, miracle qu'aucun homme en dehors du Christ n'a pu réaliser ; parce que le Christ n'est pas seulement homme, mais il est Dieu tout à la fois, et nous l'appelons l'Homme-Dieu.

Parcourons donc ensemble, mes Frères, les textes de la Bible, ayant rapport à la venue de Jésus-Christ sur la terre, et cherchons dans l'Evangile la réalisation de ces textes.

— Ông Isaac là hình bóng Chúa Kyrixitô chịu giết làm của hy-sinh để chuộc lại thế-gian. — Ông « Joseph » bị các anh bán, cũng như Chúa Kyrixitô bị Judas nộp, bị những người đồng-bào bắt bớ cùng giết đi. — Ông « Melchisédech » là hình ảnh Chúa Kyrixitô, linh-mục cùng Mô-phạm các linh mục được lĩnh cái nhiệm-vụ nối truyền chức linh-mục cho đến tận thế.

Phải có hàng mấy giờ trọn, mới trông chú giải được cho đến nơi lịch-sử các bậc thánh-nhân đó và nói có tương quan với thiên-chức Đấng Kyrixitô thế nào.

Nay xin cứ nói tiếp những câu Kinh-Thánh có tương-quan với thiên-chức của Đức-Chúa Giêsu-Kyrixitô.

Tiên-vàn ta hãy vững tin : Kinh-Thánh không phải là một sự các người công-giáo bi-kế đã thêu-dệt ra để cho mạnh lý đâu. Đ. C. T. khôn ngoan vô cùng đã dự phòng đâu có đấy, đã trả lời trước cho hết mọi câu vấn-nạn sẽ có thể xẩy ra mà phản-đối sự Mạc-khải siêu-nhiên, lưu-ký trong Kinh-Thánh, cho đến nỗi chỉ có những người không chịu gia-công khảo-cứu sách này, mới không nhìn-nhận Đức Chúa Giêsu Kyrixitô và sự-nghiệp của Người mà thôi.

Trong các việc Đ. C. T. phối-định để làm cho ta tin chắc Thánh-Kinh là sách chính-thật, thì nhất là sự có dân Do-Thái. Dân này Chúa đã ủy-nhiệm cho việc coi giữ kho Mạc-Khải, song đã ăn ở thất-tín với thiên-chức của mình, đó cũng lại là một tang-chứng nữa. Nhưng nhất là sự Chúa để cho dân ấy tản-cư khắp thiên-hạ, dẫu thế vẫn còn làm chứng cho Sấm-Truyền cũ. Hiện nay Kinh-Thánh còn là sách của dân ấy cũng như đã là sách của những người Do-Thái trước khi Chúa Giêsu-Kyrixitô ra đời. Còn sách nào độc-giả có thể lấy làm chắc-thật bằng Kinh-Thánh ?

Thật vậy, ở rắc-rải khắp hoàn-cầu, có một dân giám thủ và tàng-trữ sự Mạc-Khải đầu-tiên, lịch-sử và sách vở dân ấy cốt để sửa soạn cuộc Đấng Kyrixitô

Nous lisons dans le Génèse, chapitre 49, verset 10 : « Le sceptre ne sortira pas de Juda, ni le chef de sa race, jusqu'à ce que vienne le Messie, et celui là sera l'attente des nations ». — Or, je n'ai pas besoin de le dire, car vous avez étudié l'histoire, vous savez parfaitement qu'à la naissance de Jésus-Christ les Romains s'emparèrent de la Judée, et que le roi des Juifs ne pouvait plus gouverner son peuple.

Cherchons un autre texte. Dans le prophète Michée, chapitre 5, verset 2, nous lisons : « Et toi, Bethléem Ephrata, petite entre les milliers de Juda, de toi sortira pour moi. Celui qui doit dominer sur Israël, et dont l'origine remonte aux temps anciens, aux jours de l'éternité ». — Voilà un prophète, inspiré de Dieu pour prédire l'avenir et préparer la voie du Christ. Il vivait au temps du roi Ezéchias comme le prophète Isaïe, c'est-à-dire plus de 700 ans avant la naissance de Jésus-Christ, et il nous indique clairement le lieu de la naissance du Désiré des nations, ce sera Bethléem. Son pouvoir sera grand, son origine remonte, dit-il, aux temps anciens, plus que cela, elle remonte aux jours de l'éternité. — Voilà un texte qui vous prouve parfaitement, ce que je vous disais tout à l'heure, que le Christ était bien vivant, agissant, dirigeant les évènements du monde, même avant de prendre notre nature et de naître à Bethléem.

Demandez à tous les chrétiens, à tous les historiens du monde, ils vous diront que Jésus-Christ est né à Bethléem. Le jour de Noël, on le chante, on le rappelle dans toutes les églises du monde. — Faites un voyage en Palestine, et on vous montrera à quelques kilomètres à l'Ouest de Jérusalem la petite ville de Bethléem, et dans cette petite ville l'endroit où est né Jésus-Christ.

ngự đến, cốt để chỉ người là một Đấng muôn dân trông đợi, cốt để diễn tả cho thật đến chân tơ kẽ tóc về sự Người sinh ra, sự người sống, chết thế nào. Nhờ có dâu ấy ta mới quyết được rằng : Chúa Giêsu-Kyrixitô đã sống trước khi giáng-sinh, đã chi-phối mọi việc biến-cố, chỉ về dọn đàng đưa lối cho Người ngự xuống thế-gian, đó là một phép lạ, trừ Chúa Kyrixitô, chẳng ai có thể làm được ; bởi vì Chúa Kyrixitô không những là người, mà lại một trật cũng là Đ. C. Trời, chúng ta gọi Người là **Nhân-Thần.**

Vậy thưa anh em, ta hãy cùng nhau xem lược những bản Kinh-Thánh có tương-quan với sự Chúa Giêsu Kyrixitô sinh xuống thế-gian, rồi ta tìm trong sách Phúc-âm những điều Kinh-Thánh nói ứng-nghiệm là thế nào.



Trong kinh Sáng-Thế-Ký, đoạn 49 câu 10 chép : « Phủ-việt sẽ chẳng rời tay nhà Giuđa, vị thống-lĩnh sẽ chẳng thoát tay dòng dõi Giuđa, mãi cho đến ngày Đấng Cứu-Thế, sự muôn dân trông đợi, sẽ ngự đến. » — Điều này bất tất phải chú-thích. Các ngài đã học lịch-sử rồi, các ngài hẳn thừa biết, hồi Chúa Giêsu-Kyrixitô sinh ra nước Giuđa đã bị quân Roma chiếm-đoạt, vua nước ấy không còn thể cai-trị dân mình được nữa.

Ta lại tìm một câu khác. Sách tiên-tri Michée đoạn 5 câu 2 chép : « Phần mày, Bethléem Ephrata hỡi, một thành nhỏ trong muôn nghìn thành nước Giuđa, đấng cai trị Israël sẽ bởi mày mà xuất-hiện ra cho Tao, gốc tích Người kể từ buổi trước hết, từ thủa đời đời. » Đó là một đấng tiên-tri cảm-hứng ơn Chúa soi lòng mà nói trước sự Chúa Kyrixitô sẽ ngự đến, cùng dọn dẹp đàng lối cho Người. Tiên-tri này sống vào đời vua Ezéchias, đồng thời với tiên-tri Isaïe, nghĩa là những 700 năm trước Chúa Giêsu-Kyrixitô giáng-sinh, ông chỉ

Cet endroit est marqué d'une étoile d'argent qu'à genoux, j'ai baisé amoureusement, et où j'ai eu le bonheur de célébrer la sainte messe.

Passons à un autre texte : « Une Vierge concevra et et enfantera un fils, et il sera appelé Emmanuel » — Dieu avec nous — (Isaïe, chapitre 7, verset 14). Nous aurons l'occasion d'expliquer pourquoi Jésus - Christ, se faisant homme, voulut naître d'une Vierge. Nous vous dirons comment cette Vierge est honorée dans le monde entier, et obtient des grâces innombrables non seulement aux Chrétiens, mais même à ceux qui ne le sont pas encore. Pour le moment contentons-nous d'enregistrer le passage du texte, qui nous annonce la naissance, 700 ans plus tard, de l'Emmannuel, du Messie attendu.

Lors de mon voyage en Terre Sainte, j'ai visité la petite ville de Nazareth, où habitait la Sainte Vierge au moment où elle fut choisie pour être la Mère de Jésus-Christ. L'Eglise actuelle est du XVIII^e^ siècle et repose sur les ruines d'une église médiévale, qui a été restaurée. Je me souviens encore de l'impression profonde que je ressentis, lorsque je pus lire au-dessus de l'autel principal cette phrase latine « Hic verbum caro factum est ». Ici le verbe s'est fait chair.

Continuons nos commentaires.— C'est encore Isaië, qui nous parle au chapitre 9, verset 6 : « Un petit enfant nous est né, un fils nous a été donné. L'empire a été posé sur ses épaules. Et on le nomme l'Admirable, le Conseiller, le Dieu tout puissant, le Père éternel, le Prince de la Paix ». Autant de dénominations qui ne peuvent convenir qu'à celui, qui nous a laissé de si beaux enseignements, à celui qui vivait de toute éternité avant de naître dans le monde, et sans lequel aucune paix stable ne peut s'établir.

rõ ràng cho ta Đấng muôn dân trông đợi sẽ sinh ra ở thành Bethléem. Ông lại nói : Người sẽ được quyền thế lộng lẫy, gốc-tích Người kể từ buổi trước hết, mà hơn nữa, kể từ thủa đời đời.— Đó là một câu minh-chứng điều tôi mới nói rằng : thật Chúa Kyrixitô đã sống, đã hành-động và chi-phối các việc biến-cố trong thế-gian, ngay từ khi chưa mặc lấy bản-tính loài người cùng sinh ra tại Bethléem.

Hãy hỏi các người đi giáo, hãy hỏi các nhà chép sử khắp thế-gian, hết thảy họ sẽ thưa rằng : Chúa Giêsu-Kyrixitô đã sinh tại thành Bethléem. Ngày lễ Sinh-nhật, trong các nhà thờ khắp thế-gian, người ta hát mừng và kỷ-niệm Người. — Mời các ngài sang du-lịch đất Palestine, người ta sẽ trỏ cho các ngài xem thành Bethléem ở về mạn tây thành Giêrusalem mấy cây số, lại cả nơi Chúa Giêsu-Kyrixitô giáng-sinh ở trong thành nhỏ ấy nữa. Nơi này người ta có để một ngôi sao bạc làm ghi, tôi đã quỳ gối lấy lòng mến yêu mà hôn nơi ấy, cùng đã được hân hạnh làm lễ ở đấy nữa.

Lại một câu khác chép rằng : « Một trinh-nữ sẽ thụ-thai và sinh-hạ một nam-tử, quý - danh là Emmanuël, nghĩa là « Thiên-Chúa ở cùng chúng tôi » (Isaïe đoạn 7 câu 14.) — Tôi sẽ có dịp cắt nghĩa vì sao, Chúa Kyrixitô khi xuống thế làm người, đã muốn sinh ra bởi một trinh-nữ. Lại cũng sẽ nói vị trinh-nữ ấy đã được tôn-kính ở khắp thế-gian, và hằng xin được ân-sủng vô vàn vô số không những cho các người đi giáo, mà lại cả cho những người chưa theo giáo là thế nào. Hôm nay chỉ xin kể ra các đoạn Kinh-Thánh đưa tin trước sự Đấng Emmanuël, Chúa Cứu-Thế muôn dân trông đợi, sẽ giáng-sinh những 700 năm về sau.

Hồi du-lịch bên Thánh-địa, tôi đã kính viếng thành Nazareth, nơi Đức Thánh-nữ Đồng-trinh ở khi đã được

Le prophète Malachie poursuit la même idée : « Voici, dit-il, que j'enverrai mon messager qui préparera le chemin devant moi, — allusion du Précurseur de Jésus-Christ, S[t] Jean-Baptiste. — Aussitôt entrera dans le temple le Seigneur, que vous cherchez, et l'Ange de l'Alliance que vous désirez. Voici qu'il vient » (Malachie 3, 1). Mais avançons plus vite. Isaië (Chapitre 35, versets 5-6) faisant allusion aux nombreux miracles accomplis par Jésus-Christ, nous dit encore : « Alors, les yeux des aveugles s'ouvriront, les oreilles des sourds entendront, le boiteux sautera comme un cerf ». L'évangile nous raconte de multiples guérisons semblables. Il me faudrait vous lire tout l'Evangile pour vous énumérer tous les miracles du Christ. — Au chapitre 42, verset 1, le même prôphète parle au nom de Dieu, et dit en faisant allusion à Jésus-Christ : « Voici mon serviteur, je le tiendrai, mon élu en qui je mets mes complaisances. J'ai placé mon esprit en lui, il annoncera la justice aux nations. « Vous entendez? » il annoncera la justice, non pas à deux, trois ou quatre nations, mais à toutes les nations, ce que réalise seule l'Eglise de Jésus-Christ, répandue dans monde entier.

Puis au chapitre 9, verset 9 du prothète Zacharie nous lisons encore : « Sois transportée d'allégresse, fille de Sion ! Éclate en cris de joie, fille de Jésusalem ! Voici ton roi qui vient à toi, juste et victorieux, humble et monté sur un âne, sur un ânon, le petit d'une ânesse. » Le prophète Zacharie que je viens de citer, vivait sous le règne de Darius, vers l'an 520 avant Jésus-Christ, et voilà qu'il nous décrit en détails l'entrée triomphale de Jésus-Christ à Jérusalem. On croirait en le parcourant, lire le récit des Evangélistes qui ont rapporté le triomphe éclatant, provoqué par l'un des plus grands miracles

chọn làm mẹ Chúa Giêsu. Ngôi nhà thờ ngày nay đã xây từ thế-kỷ 18 ở chính nơi cố-chỉ một ngôi nhà thờ đời trung-cổ tu-chỉnh lại. Tôi còn nhớ, lúc được đọc ở bàn-thờ-chính câu latinh này : « Hic Verbum caro factum est : » Thiên-Chúa Ngôi-Hai đã xuống thế làm người ở chỗ này, — tôi cảm-động lắm lắm.

Lại xin cứ việc chú-giải thêm. Ở đoạn 9 câu 6, ông Isaïe còn nói rằng : « Một đồng-nhi đã sinh ra cho chúng tôi, một nam-tử đã chịu ban cho chúng tôi, đế-quyền đã đặt trên vai Người. Quí-danh Người là Đấng-lạ-lùng, đấng cố-vấn, là Thiên-Chúa toàn-năng là Cha đời đời, là vua sự hòa-bình. » Bằng ấy danh-hiệu chỉ có thể xứng-hợp cho Đấng đã lối lại cho ta những lời giáo-huấn tốt đẹp như kia, Đấng đã hằng sống từ thủa đời đời trước khi chúa có sinh ra ở thế gian, và nếu không có Người thì chẳng khi nào lập nổi cuộc hòa-bình vĩnh-viễn.

Tiên-tri Michée cũng nói đồng-ý ấy rằng : « Này Tao sẽ phái sứ-thần của Tao đi trước dọn đàng Tao..» — câu này là nói ghé về Đấng Tiền-hô Chúa Giêsu-Kyrixitô : Thánh Jean-Baptiste vậy. — « Lập tức Chúa, là Đấng bay tìm, là Sứ-thần của Sấm-truyền bay ước-ao, sẽ ngự vào đền thờ. » (Michée, đoạn 3 câu 1). Ta hãy tiến nhanh lên hơn nữa. Ông Isaïe, đoạn 35 câu 5-6 nói ghé đến muôn vàn phép-lạ Chúa Giêsu-Kyrixitô làm, ông lại nói : « Bấy giờ, mắt kẻ mù sẽ được mở ra, tai người điếc sẽ được nghe thấy, người què quặt sẽ nhẩy như nai ». Vậy sách Phúc-âm có thuật lại nhiều phép lạ người ta được chữa khỏi như thế. Kể lại hết mọi phép lạ Chúa Kyrixitô đã làm, tất phải đọc hết cả bộ Phúc-âm mới xong. — Ở đoạn 42, câu 9, tiên-tri lại còn đại-diện Thiên-Chúa mà nói ghé đến Chúa Giêsu-Kyrixitô rằng : « Này là đầy-tớ Tao, Tao sẽ bênh-vực Người, Người là kẻ Tao đã chọn và

de Jésus qui venait de ressusciter Lazare, mort et enseveli depuis quatre jours.

Au cours de mon voyage en Palestine, j'ai pu contempler à mon aise les lieux, témoins des faits que je vous raconte. J'ai vu l'emplacement du tombeau de Lazare, la route qui suivait le divin Sauveur, acclamé par la foule. J'ai aperçu le mont des Béatitudes, où notre Seigneur prononça son admirable discours, qui est l'Abrégé de toute sa doctrine et le Code de la perfection chrétienne, qui indique les moyens d'arriver au vrai bonheur, au royaume des cieux : la pauvreté d'esprit la douceur, le repentir de nos péchés, le désir de la justice, la miséricorde entre nos frères, la pureté du cœur, l'amour de la paix et la patience dans les épreuves.

Longtemps je me suis arrêté à méditer ces divines paroles à l'endroit même où Jésus les avait prononcées. — Près de Naplouse, j'ai aperçu le puits de Jacob, où notre Seigneur convertit la Samaritaine et non loin de là les ruines de Sichem et le village d'Ackar, probablement le village de Sichar, patrie de cette femme dont il est parlé dans le chapitre 4, verset 5, de St Jean. — J'ai vu Bethsaïde à l'extrémité nord de la plaine de Génésareth, où notre Seigneur fit tant de miracles. Près de là se trouve une église qui rappelle le jour où Jésus-Christ multiplia les pains dans le désert, pour nourrir la foule innombrable qui le suivait. — Je suis allé à Capharnaum, et j'ai visité avec une pieuse émotion, l'antique synagogue vieille de 2.000 ans, celle même où notre Divin Sauveur enseignait les foules et où il a ressuscité la fille de Jaïre. — J'ai été sur le bord de la mer où Jésus-Christ, d'un geste de sa main, apaisa la tempête. — J'ai aperçu le Jourdain, le fleuve où notre Seigneur voulut recevoir le baptême des mains de St-Jean-Baptiste, afin de sanctifier l'eau qui dans la

yêu-thích. Tao đã để thần-trí Tao trên mình Người, Người sẽ truyền bá sự công-chính cho các dân thiên-hạ. » Các ngài đã nghe rõ chưa ? Người sẽ truyền-bá sự công-chính không phải cho hai, ba, bốn dân, bèn là cho hết mọi dân tộc. Điều ấy duy có Hội-thánh Chúa Giêsu Kyrixitô lập, khuếch-trương ra khắp thế-giới, đã thực hành nổi mà thôi.

Sách tiên-tri Zacharie, đoạn 9 câu 9 cũng chép rằng : « Hỡi con gái Sion, hãy vui mừng khoái-lạc, hỡi con gái Jérusalem, hãy reo mừng hớn hở : này vua con đến với con, người công-bằng và thắng - trận, người khiêm-tốn cưỡi trên con lừa mẹ và lừa con. » Tiên-tri Zacharie này sống về triều Darius, năm 520 trước Chúa Giêsu-Kyrixitô, vậy mà các ngài xem, ông tả rành mạch sự-tích Chúa Giêsu-Kyrixitô khải-hoàn ngự vào thành Jérusalem. Đọc sách ông, người ta tưởng là bài tường-thuật của các Thánh-sử kể lại cuộc thiên-hạ rước Chúa Giêsu-Kyrixitô ngự vào Jérusalem, cách khải-hoàn long-trọng, vì mới được thấy Người làm một phép lạ rất cả thể, là cải-tử hoàn-sinh cho ông Lazare chết và chôn đã bốn ngày.

Kỳ du-lịch đất Palestine, tôi đã được cung-chiêm kỹ-càng những nơi đã được chứng-kiến các sự-tích tôi đã kể cho các ngài đây. Tôi đã xem chính nơi táng xác ông Lazarẹ, đã xem con đường Chúa Giêsu vẫn đi ở dữa những tiếng dân sự tung hô. Tôi đã thấy quả núi « Phúc-thật », nơi Chúa chúng tôi đã diễn-thuyết một bài rất nên cảm-phục, là bài Toát-yếu hoàn-toàn giáo-lý của Người, là cuốn luật con đường tu thánh người có đạo, chỉ dẫn các phương-thế để đạt tới chân phúc, đạt tới Thiên-đường : ấy là khó khăn trong lòng, hiền-từ, ăn năn thống hối, khát khao sự công-chính, thương xót người ta, sạch sẽ trong lòng, mến yêu sự hòa bình và nhịn nhục trong cơn khốn khó.

suite des temps, devait être employée à effacer les péchés et à régénérer les âmes.

Je vois que je m'écarte de mon sujet, l'esprit et le cœur encore tout imprégnés de la vision de ces lieux sanctifiés par la vie du Christ-Jésus. Je reviens donc aux preuves que je vous donnais tout à l'heure pour vous montrer que Jésus-Christ vivait déjà dans l'ancien Testament. Il ne s'était pas encore fait homme, mais comme Dieu, il vivait de toute éternité, dirigeait les évènements, inspirait les prophètes, parce que rien ne lui est caché : le passé, le présent l'avenir, tout lui apparaît dans la lumière de sa science infinie.

Mais voilà que les prophètes nous annoncent les souffrances du Christ. Les péchés des hommes étant en quelque sorte infinis, parce qu'ils offensent la Majesté infinie de Dieu, il fallut que le Fils de Dieu lui-même se dévouât à la mort en expiation de ces péchés. Dans le Psaume 40, verset 10 du roi-prophète David, nous lisons : « Celui là même qui était mon ami, qui avait ma confiance, et qui mangeait mon pain, lève le talon contre moi. De son côté, le prophète Zacharie au chapitre 11, verset 12-13 ajoute . « Ils ont pesé mon salaire trente sicles d'argent, et Jéhovah me dit : Jette-la au potier, cette belle somme à la quelle ils m'ont estimé. Et je pris les trente sicles d'argent et je les jetais au potier dans la maison de Jéhovah ». Ainsi donc de longs siècles avant la passion de Jésus-Christ des prophètes racontent en détail la trahison de l'un de ses disciples lequel, ainsi que le dit l'Evangile d'accord avec les prophètes, reçut trente deniers pour prix de sa trahison. Et lorsque bourrelé de remords, le malheureux va rendre l'argent, que le grand Prêtre refusa d'accepter, il le jeta dans le temple. Cet argent fut destiné à acheter le champ d'un potier pour la sépulture des étrangers.

Tôi đã dừng bước một hồi lâu mà suy-ngắm những lời châu báu này ở ngay chính nơi Chúa Giêsu đã diễn thuyết. — Gần thành Naplouse tôi đã thấy giếng ông Jacob, nơi Chúa chúng tôi làm cho đàn bà Samaritaine trở lại ; cách xa đấy một ít tôi đã thấy những nơi cố-chỉ thành Sichem và làng Ackar, có lẽ là một làng của thành Sichar, sinh-quán người đàn bà đã nói trong Phúc-âm Thánh Jean, đoạn 4 câu 5. — Tôi lại còn thấy làng Bethsaïde ở mạn bắc cánh đồng Génésareth, nơi Chúa chúng tôi đã làm biết bao nhiêu phép lạ. Gần đấy có một ngôi nhà thờ kỷ-niệm ngày Chúa Giêsu Kyríxitô ở trên rừng làm cho bánh hóa nên nhiều để nuôi một bọn quần-chúng rất đông theo Người. — Tôi đã đến thành Capharnaüm, đã viếng nhà nguyện-đường cổ xây đã hai nghìn năm nay, cả nhà nguyện đường mà Chúa Cứu-thế quen giảng-dạy dân và đã cải-tử hoàn-sinh cho con gái quan Jaïre, thật rất nên cảm động. — Tôi đã đứng trên bãi biển, nơi Chúa Giêsu-Kyrixitô giơ tay, khiến bão táp yên lặng. — Tôi đã thấy sông Jourdain, nơi Chúa chúng tôi đã chịu phép Rửa bởi tay Thánh Jean-Baptiste để làm cho nước trở lên đồ Thánh, nước về sau này còn dùng mãi mãi để rửa tội lỗi và làm cho các linh-hồn được sinh lại.

Tôi lạc-đề mất rồi, cũng tại vì tâm-trí tôi hãy đương còn yểm-nhiễm phong-cảnh đã mục-kích những nơi Chúa Giêsu-Kyrixitô đã ở ngày xưa. Vậy xin trở lại những bằng cứ tôi đã nói ở trước kia, để chỉ cho các ngài biết rằng : Chúa Giêsu-Kyrixitô vẫn đã sống ở trong Sấm-truyền cũ. Thủa ấy tuy Người chưa có xuống thế làm người, nhưng Người là Thiên-Chúa, nên Người hằng sống từ thủa đời đời, hằng chi-phối mọi việc biến-cố, hằng soi sáng các tiên-tri, bởi vì không có cái chi ẩn-khuất được mắt Người : quá-khứ, hiện-tại, vị lai, hết thẩy đều hiện ra trong trí thông-

Le roi prophète David dit encore dans le Psaume 34, verset 11 : « De faux témoins se lèvent, ils m'accusent des choses que j'ignore, ils me rendent le mal pour le bien. » Lisez l'Evangile et vous y verrez, que des faux témoins avaient été payés pour accuser faussement Jésus-Christ.

Isaië, au chrpitre 50, verset 6 ajoute : « J'ai livré mon corps à ceux qui me frappaiement, et mes joues à ce qui m'arrachaient la barbe. Je n'ai pas détourné mon visage des opprobres et des crachats. » L'Evangile nous montre notre Seigneur bafoué, frappé, flagellé par les soldats du Gouverneur romain Ponce-pilate. Là encore les deux versions s'accordent. « Ils mettent du fiel dans ma nourriture, et pour étancher ma soif ils m'abreuvent de vinaigre. » Dans le Psaume 68, verset 22, David fait allusion au cri que Jésus sur le point d'expirer, jeta du haut de la croix : « J'ai soif. » Il voulait dire qu'il avait soif de mourir pour sauver nos âmes ; mais les soldats, comprenant ses paroles dans leur sens littéral, firent un mélange de fiel et de vinaigre pour lui donner à boire nous dit l'Evangile. — Ensuite le même prophète décrit comme s'il avait assisté à la scène du Calvaire, tous les tourments de l'Homme-Dieu : « Tous ceux qui me voient, se moquent de moi. Ils ont la raillerie sur les lèvres et ils branlent la tête. Il s'est confié à Dieu, que Dieu le sauve, qu'il le délivre s'il l'aime... Je suis comme l'eau qui s'écoule, et tous mes os se sont disjoints. Une troupe de scélérats m'assiège, ils percent mes mains et mes pieds je pourrais compter tous mes os. Et eux me regardent et me considèrent, ils partagent, entre eux mes vêtements et tirent ma tunique au sort. » (Psaume 21, 8, 5, 19).

Isaïe, chapitre 53, verset 4-5 parle aussi de la mort de Jésus-Christ en ces termes : « Il a porté nous ouffrances.

minh sáng-suốt vô cùng Người.

Nhưng này đây, các tiên-tri báo cho ta biết những sự đau-khổ Chúa Kyrixitô sẽ chịu. Tội lỗi nhân-gian hầu như có tính-cách vô cùng, vì rằng xúc-phạm đến oai-linh vô cùng Thiên-Chúa, thành ra phải chính con Thiên-Chúa tự hiến-thân chịu chết mới đền được cho cân. Trong Thánh-vịnh 40 câu 10 Thánh-vương David rằng : « Cả đến cái người bạn-thiết của Tao, cái người tâm-phúc của Tao, cái người cùng ăn với Tao, nó cũng xây lưng sấp cật phản Tao. » Tiên-tri Zacharie, đoạn 11 câu 12-13 cũng nói thêm rằng : « Các chúng đã cân 30 đồng bạc làm giá công ta, vậy Chúa phán bảo ta rằng : số bạc này là số các chúng trị-giá Tao, vậy mày hãy ném cho thợ gốm. Ta liền đem 30$00 ấy ném vào đền thờ cho thợ gốm. » Ấy nhiều thế-kỷ trước khi Chúa Giêsu-Kyrixitô chịu thương-khó, các tiên-tri đã tường-thuật cặn-kẽ sự một tên đầy-tớ phản thầy, nó bán thầy giá 30$00, mà sách Phúc-âm cũng kể hợp ý như vậy. Khi thằng vô-phúc này, bị lương-tâm cắn-rứt, đem số bạc trả lại, thì thầy cả Thượng-phẩm không nhận, một ném vào đền thờ. Họ đem số ấy tậu một thửa ruộng người thợ gốm để mai táng những khách ngụ cư.

Trong Thánh-vịnh 34 câu 11 Thánh-vương David còn nói tiên-tri rằng : « Những kẻ làm chứng gian chỗi dậy, cáo Tao những sự Tao không biết, nó chịu ơn Tao mà lại báo oán cho Tao. » Xin các ngài đọc-sách Phúc-âm sẽ thấy kể rằng : những đứa làm chứng gian đã ăn tiền để vu-khống cho Đức Chúa Giêsu.

Tiên-tri Isaïe, đoạn 50 câu 6 nói thêm rằng : Tao phó xác Tao cho những kẻ đánh Tao, má Tao cho những kẻ vặt râu Tao. Tao chịu xỉ vả cùng nhổ khạc mà Tao không ngảnh mặt đi. » Vậy sách Phúc-âm chỉ cho ta biết : Chúa chúng tôi đã phải bọn lính quan trấn Roma, Ponce Pilate, nhạo cười, đập đánh, tấn đòn

et il s'est chargé de nos douleurs. Nous l'avons considéré comme puni, frappé de Dieu et humilié, mais il était blessé pour nos péchés, brisé à cause de nos iniquités ; le châtiment qui nous assure la paix, est tombé sur lui, et c'est par ses blessures que nous sommes guéris. »

Je craindrais d'être trop long, mes Frères si je vous décrivais le Cénacle où Jésus célébra la Cène, la première messe, le même sacrifice que celui que les prêtres célèbrent tous les jours dans toutes les églises du monde, — le jardin des oliviers où eut lieu son agonie, — la belle église édifiée sur l'endroit de la flagellation et du couronnement d'épines, — le chemin de croix que j'ai fait avec les pèlerins, en suivant la voie douloureuse que Jésus avait suivi lui-même,— la montagne, du Calvaire où il fut crucifié et souffrit la mort la plus cruelle et la plus ignominieuse pour nous sauver, enfin la Basilique du Saint-Sépulcre où j'ai célébré la messe sur le tombeau de N.-S. Je me contente de vous dire que mes yeux ont contemplé ces lieux saints profondement touchants, conservant après 19 siècles les empreintes toujours inaltérables, toujours émouvantes de la vie et de la Passion de l'Homme-Dieu. Ce pèlerinage a rempli mon âme d'une consolation inexprimable, d'une joie telle que je ne puis m'empêcher de vous en faire part, afin que vous aussi, à votre tour, vous croyiez que Jésus est véritablement mort pour vous, que du haut de la croix, il vous voyait déjà tous, et qu'il désirait que vous, vous profitiez de ses souffrances et de sa mort pour le salut de vos âmes.

Il fallait donc que le fils de Dieu souffrit ; mais il fallait aussi qu'après sa mort il donnât de nouvelles preuves de sa divinité. Il les donnera pour sa résurrection, le prophète David nous l'assure dans le Psaume 15,

ở đấy lại còn hai bản-dịch hợp nhau. « Các chúng bỏ mật đắng vào của ăn Tao. Tao khát chúng cho Tao uống giấm chua. » Vậy trong Thánh-vịnh 68 câu 22, Thánh-vương David nói ghé đến lời Đ. C. Giêsu khi hấp-hối trên Thánh-giá kêu rằng : « Tao khát » Ý Chúa muốn bảo rằng : Chúa khát khao chết để cứu linh hồn chúng tôi ; nhưng Phúc-âm chép : quân lính hiểu lời ấy cứ nghĩa đen các chúng liền pha mật đắng với giấm chua trao cho Người uống. Cùng một tiên-tri David lại mô-tả hết mọi hình khổ con Đ. C. T. xuống thế làm người phải chịu, rõ ràng như đượ'c mục-kích tấn thảm-kịch trên núi Calvaire Vua nói : « Hết mọi kẻ xem Tao đều nhạo cười Tao. Các chúng lắc đầu mà nói nhạo rằng : nó trông cậy Đ. C. T., vậy Đ. C. T. hãy cứu nó đi.. Đ. C. T. có yêu nó thì hãy giải thoát cho nó đi. — Tao bị chảy tan ra như nước, các xương Tao đã xộc-xệch ra cả. Một lũ quân tội ác vây bọc Tao, các chúng đâm thủng tay chân Tao đến nỗi đếm được các xương. Các chúng trông Tao nhìn Tao chia áo Tao với nhau và bắt thăm áo lót của Tao » (Thánh vịnh 21 câu 8. 15, 19).

Ông Isaïe, đoạn 53 câu 4 5 cũng nói về sự Chúa Giêsu - Kyrixitô chịu chết như sau này : « Người đã mang lấy các sự cực khổ của chúng tôi đã gánh lấy sự đau đớn của chúng tôi. Chúng tôi thấy Người như một kẻ bị tật phong, bị Đ. C. T. đập đánh và làm nhục nhã. Nhưng người bị thương tích là vì tội lỗi chúng tôi. Người bị nát thịt là tại những sự gian ác của chúng tôi. Người chịu gia-hình để bảo-lãnh sự bằng-yên cho chúng tôi. chính vì những thương tích của Người mà chúng tôi được lành đã ».

Thưa anh em, còn như phòng Tiệc-ly, nơi Chúa Giêsu đã ăn mừng bữa sau hết, là lễ Mi-sa đầu tiên, chính cũng là phép tế lễ ngày nay các Linh-mục còn làm mọi

verset 10 « Tu ne laisseras par mon âme dans le séjour des morts, tu ne permetteras pas que celui qui t'aime, voie la corruption, tu me feras connaître le sentier de la vie. »

Selon la parole du prophète, Il n'a pas été soumis à la corruption du tombeau, mais après trois jours il est ressuscité d'entre les morts, et a vécu encore 40 jours sur la terre. Ses apôtres, de nombreux disciples l'ont vu et sont morts sous le glaive des tyrans, des persécuteurs, pour affimer que leur maître était vraiment ressuscité. « J'en crois facilement des témoins qui se font égorger » disait Pascal. Oui, mes Frères je vous le demande, ces milliers de martyrs auraient-ils subi la mort pour affirmer un mensonge !

Enfin le Christ retourne dans la gloire : « Assieds-toi à ma droite, jusqu'à ce que je fasse de tes ennemis l'escabeau de tes pieds. » David, dans ce Psaume 109 nous montre le triomphe du Fils de Dieu et sa victoire, que lui ont assurés ses souffrances, dans le domaine des âmes.

« Je lui donnerai, dit Isaïe, chapitre 53, verset 12, je lui donnerai en partage la multitude des nations. Il distribuera la dépouille des forts, parce qu'il a livré son âme à la mort, et qu'il a été mis au nombre des scélérats. » Cette prophétie n'est-elle pas accomplie à la lettre ? Y a-t-il une nation au monde, qui ne connaisse le nom de Jésus-Christ, et ne possède dans son sein un grand nombre de chrétiens ? Allez jusque dans les îles perdues de l'Océan, pas une qui n'ait des chrétiens parmi ses habitants. Allez au milieu des déserts, dans les glaces du pôle, vous y trouverez des disciples de Jésus-Christ.

ngày trong các nhà thờ khắp thiên-hạ, – vườn cây-dầu nơi Chúa đã bị cơn hấp hối. — ngôi nhà thờ tráng-lệ đã xây chính nơi Chúa chịu đánh đòn cùng đội mão gai, đường Thánh-giá mà tôi đã cùng đi với khách-triều-thánh theo con đường đau-khổ chính Chúa Giêsu-Kyrixitô đã đi ngày trước,— qua núi Calvaire nơi Chúa đã bị đóng đanh và chịu chết một cách ác nghiệt vô cùng, ô nhục quá đỗi, để mà chuộc chúng tôi, — sau hết nơi đại-thánh-đường Mồ-thánh, nơi tôi đã được làm lễ trên Lăng-tẩm Chúa Giêsu, bấy nhiêu sự nếu đem mô-tả hết, sợ rằng quá dài Vậy tôi chỉ xin nói tắt rằng : mắt tôi đã được cung-chiêm các nơi thánh rất la cảm-động ấy, đã 19 thế-kỷ nay, dấu tích hãy còn ghi lại rành rành, vẫn còn cảm-nhiễm cái cuộc đời và tấn thảm-kịch Chúa Giêsu. Cuộc triều-thánh này đã làm cho linh-hồn tôi được sự yên ủi không kể xiết, được sự vui mừng quá đỗi, không thể đừng mà không thuật lại cho các ngài hay để cả các ngài cũng tin rằng : Chúa Giêsu thật đã chịu chết vì chúng tôi hồi ở trên Thánh-giá, Người cũng đã nhìn thấy hết thảy các ngài đây, mà Người ước ao cho các ngài hết thảy nhờ sự thương-khó cùng sự chết của Người cho linh-hồn được « rỗi ».

Con Đ. C T. cần phải chịu chết, điều ấy đã đành, nhưng khi chết đoạn Người lại còn tỏ ra dấu gì nữa làm chứng mình thật là Đ C. T. mới được. Vậy Người có làm chứng mình sẽ sống lại, như tiên-tri David đã nói quyết trong Thánh-vịnh 15 câu 10 rằng : « Chúa sẽ không bỏ linh hồn tôi ở trong ngục ké chết, sẽ không để cho người yêu mến Chúa tôi trông thấy sự hư nát thối tha. Chúa sẽ làm cho tôi biết con đường sự sống ».

Đúng như lời tiên-tri, Người đã không phải hư nát trong mồ, bèn là chết đoạn 3 ngày, đã sống lại giữa kẻ chết, và còn sống ở thế gian đủ 40 ngày. Các

Le même prophète Isaïe, chapitre 60, versets 1-4, nous l'affirme, les conquêtes de l'Eglise de Jésus-Christ ne feront que grandir dans la suite des temps : « Lève-toi, Jérusalem, sois éclairée car ta lumière arrive et ta gloire de Dieu se montre sur toi. Vois, les ténèbres couvrent la terre, et l'obscurité les peuples ; mais sur toi, Jéhovah se lève, sur toi, la gloire apparaît, les nations marchent à ta lumière et les rois à l'éclat de tes rayons Jette les yeux tout autour et regarde : tous s'assemblent et viennent vers toi ».

Et le prophète Daniel, chapitre 7, verset 14, reprend la même idée. « Il lui fut donné puissance, honneur et règne, et tous les peuples, toutes les tribus, toutes les langues le serviront ; sa domination est une domination éternelle, qui ne lui sera point ôtée, et son règne ne sera jamais détruit ».

Encore une fois, le temps me manque pour vous citer tous les textes de la Bible qui prouvent que le Christ était bien vivant dans l'ancien Testament Il l'est encore dans le nouveau Il a vécu sur la terre en Palestine. Je n'ai fait que vous ébaucher quelques-unes de mes impressions de voyage, quand il me fut donné de vivre là aux lieux mêmes où Lui a vécu.

Il est mort, il est ressuscité, il est remonté au ciel ; mais de même qu'il vivait parmi les patriarches, les prophètes, les peuples de l'ancien Testament avant de naître, il continue de vivre parmi nous après sa mort, sa promesse est formelle. « Je serai avec vous tous les jours, jusqu'à la consommation des siècles » avait-il annoncé à ses apôtres. Jésus est avec nous chrétiens, mes Frères, dans nos églises avec nous dans nos âmes.

Sa « croix » ce gibet de supplice, qui aurait voué à l'oubli et au mépris un homme ordinaire, est devenue entre ses mains divines un objet de triomphe. — La

Tông-đồ nhiều môn-đệ đã được trông thấy Người, đã vui lòng chịu các vị hôn-quân, các người bách hại tôn giáo chém giết, để quả quyết Thày mình đã thật sống lại. Ông Pascal nói : « Những người làm chứng mà dù chết cũng đành, thì tôi dễ lấy làm tin. » Phải lắm, tôi xin hỏi anh em, muôn vàn đấng tử-đạo đã chịu chết không lẽ để quyết một điều nói dối bày đặt ư ! ?

Sau hết Chúa Kyrixitô ngự về nơi vinh-hiển . « Con hãy ngự bên hữu Cha, cho đến ngày Cha bắt các kẻ thù nghịch con làm ghế lót chân con. » Đó là lời Thánh-vịnh 109. Trong Thánh-vịnh này tiên-tri David diễn tả sự Con Đ. C. T. khởi-hoàn đã dùng sự thương-khó mà thắng trận và chiếm-cứ được các linh-hồn.

Tiên-tri Isaïe đoạn 53 câu 12 nói : « Tao sẽ chia cho người nhiều dân nước. Người sẽ chiếm được của kẻ giầu mạnh mà phân chia, bởi vì người đã phó mình chịu chết và kể vào sổ những phường tội lỗi. » Lời tiên-tri này đã chẳng ứng-nghiệm từng nét đấy ư ? Trong thế-giới hỏi còn dân nước nào chưa nhận biết Thánh-danh Chúa Giêsu-Kyrixitô, chưa được một số đông theo đạo Công-giáo ? Dù có ra tận những cù-lao xa tít ngoài Đại-hải, các ngài cũng thấy chẳng một cù-lao nào không có người dân theo Công-giáo. Dù lên tận rừng xanh núi đỏ, tận nơi tuyết phủ băng che ở địa-cực, các ngài cũng gặp thấy tín-đồ Chúa Giêsu-Kyrixitô.

Cũng tiên-tri Isaïe đoạn 60 câu 1-4 lại nói quả quyết cuộc chinh-phục của Hội Thánh Chúa Giêsu-Kyrixitô, cứ một ngày một bành-trướng thêm. Ông nói : « Giê-rusalem hỡi, chỗi dậy đi, soi sáng đi, vì sự sáng của mày đã đến vinh-quang, Chúa đã chiếu giãi ra trên mày. Kìa sự tối tăm che phủ mặt đất, sự mù mịt

« **croix** », elle est partout sur nos édifices religieux, sur nos maisons de bienfaisance, sur les asiles, les hôpitaux, les refuges élevés par la charité chrétienne.— La « **croix** » elle est dans toutes nos maisons.— Elle est la « **croix rouge** » près des blessés sur le champ de bataille ; elle est la « **croix de guerre** » pour récompenser la valeur des combattants. — La « **croix d'honneur** » pour affirmer les mérites de ceux qui la portent. — La « **croix** », elle ne triomphe pas par les doctrines égoïstes, flatteuses, intrigantes. Non elle triomphe, parce qu'elle prêche le courage, la patience, l'abnégation, la résistance aux passions humaines. Nous l'avons vu, **la croix**, c'est le drapeau du vrai progrès, de la vraie civilisation, et c'est à son ombre que viendront toujours se blottir les individus et les peuples, qui voudront assurer leur bonheur en ce monde et en l'autre.

J'ai fini, mes Frères, l'exposition de la preuve saisissante, qui doit convaincre la raison avant que la foi la prosterne devant le mystère adorable que lui propose l'Incarnation réparatrice, **c'est la preuve des Prophéties.** Dans le vaste champ des siècles Dieu sème les oracles, il dirige et fait converger vers son Fils le mouvement sacré de l'inspiration. Ce mouvement progresse à mesure que le temps s'avance, et 400 ans avant l'heure bénie de l'apparition, il ne manque rien au tableau prophétique de la personne. de la vie, de l'œuvre, de la mort et des triomphes du Verbe rédempteur. L'humanité attend une manifestation grandiose. Si le Fils de Dieu n'est pas reconnu, il ne faudra s'en prendre qu'à l'aveuglement des passions. Les oracles, nombreux et placés à de longues distances sur l'échelle des âges, rendront plus convaincante leur confrontation avec la réalité promise. Ces oracles, un siècle à l'avance,

che phủ các dân ; nhưng nơi mày thì có Chúa xuất hiện lên, có sự vinh-quang chiếu giãi ra, các dân sẽ nhờ sự sáng của mày, các vua sẽ nhờ ánh chói rọi của mày mà bước đi. Mày hãy đưa mắt tứ phía mà xem : hết thẩy họ tụ-tập và kéo đến cùng mày ».

Tiên-tri Daniel đoạn 7 câu 14 nói cũng một ý ấy rằng « Chúa ban cho người thế-lực, vinh-hiển và đế-quyền, các dân, các bộ-lạc, các tiếng nói hết thẩy sẽ làm tôi phục-dịch Người, bá-qnyền của Người là quyền trường-vĩnh, không khi nào hết và nước Người trị chẳng khi nào tan ».

Đây tôi lại thú với các ngài lần nữa : tôi không đủ thời giờ mà trưng hết các câu Kinh-thánh làm chứng Chúa Kyrixitô thật đã hằng sống trong Sấm-truyện cũ, và ngày nay vẫn còn sống trong Sấm-truyền mới, cùng đã sống ở thế-gian bên xứ Palestine thủa trước. Những mối cảm-tưởng về cuộc du-lịch của tôi, khi đã được hạnh-phúc sống ở nơi Chúa Giêsu đã sống, tôi mới phác-họa cho các ngài nghe được ít nhiều vậy mà thôi.

Người đã chết, đã sống lại, đã lên lời, nhưng sau khi chết, Người vẫn còn sống ở giữa chúng tôi, cũng như xưa trước kỳ giáng-sinh đã sống ở giữa các Tổ-phụ, các Tiên-tri, các dân trong Sấm-truyền cũ. Người đã hứa rõ ràng với các Tông-đồ như vậy : « Tao sẽ ở cùng bay mọi ngày cho đến tận thế ». Hỡi anh em Chúa Giêsu ở với chúng tôi, kẻ có đạo, trong các nhà thờ và trong linh hồn chúng tôi.

Cây « **Thánh-Giá** » của Người, cái cột xử-tử, một người thường chịu đóng đinh vào thì nó ra thứ đồ-vật đáng khinh-bỉ, không ai thèm để trí, nhưng nó vào tay thần-thánh của Người thì đã thành nên một vật khải-hoàn. — Cây « **Thánh-Giá** » nay có ở khắp mọi nơi :

un seul prophète aurait pu les lancer sur le monde tels que vous venez de les entendre, c'eût été une merveille digne de la Majesté du Fils de Dieu ; mais pour renforcer la preuve qu'en doit tirer notre raison et se prémunir contre les discussions de l'orgueil et de la mauvaise foi, l'industrieuse Providence les sème à travers de longs âges, afin qu'après avoir rassemblé tous les fragments épars de cette mosaïque nous ne puissions plus, sans folie et sans crime, refuser de reconnaître comme l'envoyé du ciel, le Libérateur du genre humain, le Dieu Sauveur, Celui qui en reproduira dans sa personne, sa vie et son œuvre, l'exacte ressemblance. — Bref, le Sauveur est attendu, les oracles qui l'annoncent sont les signes auxquels on doit le reconnaître, et quand il apparaît dans le monde, tout est prêt pour le recevoir.



J'en arrive enfin à ma conclusion et je ne vous quitterai pas, mes Frères, sans vous prier de faire passer dans vos âmes l'enseignement de l'Evangile de ce dernier dimanche de l'Avent. C'est à vous aussi bien qu'aux auditeurs de Saint-Jean-Baptiste que s'adressent ces paroles : **« Préparez la voix du Seigneur. »** Par une miséricordieuse persévérance du bon vouloir de Dieu qui poursuit en toutes les âmes son œuvre de délivrance et de salut, l'avènement du Sauveur se renouvelle spirituellement tous les jours et particulièrement en ce saint temps. Les âmes justes comptent sur cet avènement. Eveillées par de douces promesses remplies d'amoureux désirs, elles attendent un accroissement de la sainte intimité qui les unit au cher Fils de Dieu. Mais combien d'âmes pécheresses laisseront passer avec indifférence les joyeuses fêtes de Noël ! Et pourtant, elles sont instruites par une longue expérience de leur faiblesse

trên thánh-đường, trên các nhà cứu-tế, trên các viện bảo-dục, các nhà thương, các nhà trú-viện bên Công-giáo đã dựng lập. — Cây « **Thánh-Giá** » có ở trong khắp mọi nhà chúng tôi. — « **Thánh - Giá** » chính là « **Hồng-thập-Tự** » ở gần những kẻ bị thương nơi chiến-trường. — Chính là « **Chiến-Thứ-Bội-Tinh** » để thưởng công các chiến-sĩ, — chính là « **Danh-Dự-Bội-Tinh** » để quả quyết công nghiệp những người mang nó.— « **Thánh-Giá** » được khởi-hoàn không phải vì dạy những điều tư-kỷ, dua nịnh, gian giảo. Không, Thánh-giá sở dĩ được khởi hoàn là vì rao giảng sự can-đảm, sự nhịn-nhục. sự vong-kỷ, sự chống trả nhân-dục. « **Thánh-Giá** » như chúng tôi đã thấy rồi, chính là lá-cờ cuộc tiến-bộ chân-chính, cuộc văn-minh chân-chính, và phàm những cá-nhân, những dân-tộc nào muốn cho cuộc hạnh-phúc mình ở đời này và đời sau được vững chắc, đều vẫn chạy lại nấp bóng cờ ấy cả.

Thưa anh em, đến đây là xong việc trần-thuyết cái bằng-chứng mạnh-mẽ, cái bằng-chứng bắt lý-trí phải tin-phục, trước khi đức-tin bắt nó hạ mình xuống trước sự mầu-nhiệm đáng khâm-sùng, mà sự Ngôi-Hai xuống thế làm người cứu chuộc nhân-loại truyền cho nó phải tin : ấy là «**Bằng-chứng các lời tiên-tri**» vậy. Trong cánh đồng bao-la bát-ngát của các thế-kỷ, Đ. C. T. đã gieo xuống những lời thần-ứng, đã chi-phối, đã cho ơn mặc-dụ chuyền vần qui-đấu cả về con Người. Sự chuyền vần này đã cùng với thời-gian cùng tiến, và 400 năm trước cái giờ hạnh-phúc con Người hiện ra, ở trên bức-họa các lời tiên-tri không thiếu một nét nào, về thân-thế, về cuộc-đời, về sự-nghiệp, về sự chết cùng sự khởi-hoàn của Ngôi-Hai Cứu-Thế. Khắp nhân loại đều ngóng trông Người xuất hiện ra một cách lộng lẫy. — Nếu con Đ. C. T. không được thiên-hạ nhìn nhận, thì cái đó chỉ là tại người ta mê đắm

et de leurs égarements ; elles sentent le besoin d'un acte sauveur qui les délivre de la honte du péché et leur promet son amitié. Les préparations divines sont achevées en elles, pourquoi tardent-elles à se préparer ! — O chères âmes, je vous en prie : « **Préparez la voie du Seigneur.** » Comblez par le repentir les abîmes qu'ont creusés vos convoitises. Abaissez cet orgueil que révoltent les salutaires humiliations de la pénitence : redressez vos habitudes perverses, débarrassez le chemin qu'encombrent vos fautes. Justes, pécheurs, préparez-vous ; et puisse cette parole du prophète être vraie pour tous « **Et videbit omnis caro Salutare Dei** » : Toute chair verra le salut de Dieu. Ainsi soit-il.

Phat-Diêm, le 20 Décembre 1935.

Jean-Baptiste TONG



tối tăm. Những lời thần-ứng vừa rất nhiều, vừa để cách quãng nhau xa trên cái thang các thời-đại, mà đã ứng-nghiệm đúng như lời, thì càng rất nên tín-phục. Những lời thần-ứng các ngài mới nghe đó, giả như chỉ có một tiên-tri tuyên-bố cho thiên-hạ, mà tuyên-bố một thế-kỷ trước thôi, thì kể cũng là một sự kỳ-diệu xứng đáng sự oai-nghi con Đ. C. T. rồi, nhưng để cho lý-trí ta được có bằng cứ vững chắc, được khỏi những cuộc tranh-luận bởi lòng kiêu ngạo và xấu bụng mà ra, thì Chúa thượng-trí khôn lo khéo liệu vô cùng, đã rải rắc những lời ấy ở trong các thời-đại từ lâu trước, để khi đã thu-lượm hết mọi mảnh tản-mác trong cái bản tam-khí ấy lại, chúng tôi thế nào phải nhận là vị Thiên-sứ, là vị Giải-phóng nhân loại, là Đ. C. T. cứu-thế, đấng mà đã diễn lại trong thân-thế, trong cuộc đời, trong sự-nghiệp của mình đúng hệt như lời thần-ứng, không lẽ nào ta còn thể chối được, mà chẳng mang tiếng điên rồ và mắc tội.

Tóm tắt, rằng: thiên-hạ đã trông đợi Chúa Cứu-thế, những lời thần-ứng báo tin về Người, là những cái biểu-chứng thiên-hạ phải cứ mà nhận Người, và khi Người xuất-hiện ra trong thế gian, thì cuộc nghinh-tiếp Người đã sẵn sàng tất cả.



Kết-thúc bài, tôi còn xin anh em ghi-tạc vào linh-hồn lời giáo-huấn trong bài Phúc-âm chủ nhật cuối cùng mùa Áp-lễ Sinh-nhật này. Lời « **Hãy dọn dẹp đường lối Chúa** », chính cũng là lời bảo các ngài đây, như đã bảo các người nghe Thánh Jean-Baptiste giảng ngày trước. Nhờ lượng Chúa hằng vững một lòng thương xót, muốn cứ theo đuổi sự-nghiệp giải-nạn cứu-nguy trong các linh hồn, cho nên việc Chúa-Cứu-Thế giáng-sinh hằng còn nhắc lại cách thiêng liêng trong hết

mọi ngày, mà nhất là trong mùa thánh này. Các linh-hồn công chính đều trông cậy ở sự giáng-sinh này. Chắc vào những lời hứa ngọt-ngào, đầy những ước-vọng êm-ái, các hồn ấy được phấn-chấn mà mong đợi cho giây thân-ái kết buộc mình với con Đ. C. T. một ngày một thêm khăng-khít bền-chặt. Nhưng lại còn biết bao nhiêu linh-hồn tội lỗi, lấy làm dửng-dưng lãnh-đạm, bỏ qua những dịp lễ Sinh-nhật vui-vẻ này! Lâu ngày thử-nghiệm, họ đã từng biết mình yếu đuối, lạc đường; họ nhận thấy cần phải có một đấng cứu-chuộc để giải-thoát họ cho khỏi vòng tội lỗi đê nhục và hứa ở tình-nghĩa với họ. Những sự Chúa dọn dẹp đã hoàn-tất trong họ rồi, sao họ còn lần lữa chẳng khứng dọn mình đi!? — Hỡi các linh-hồn yêu-quí, tôi xin các hồn « **Hãy dọn dẹp đường lối Chúa** » đi. Hãy dùng sự thống-hối mà lấp cho đầy những hố sâu mà các tính tham-dục đã khoét lũng xuống. Hãy bạt tính kiêu-ngạo kia xuống, cái tính kiêu-ngạo không chịu hạ mình xuống ăn năn; hãy sửa sang lại những cái tập-quán gian-tà; hãy giầy bỏ cái con đường ngồn ngang những tội lỗi đi. Cả người công-chính, cả người có tội, hãy dọn mình đi; chớ gì lời tiên-tri sau đây ứng-nghiệm về mọi người hết thảy: « **Et videbit omnis caro Salutare Dei** »: Người trần hết thảy sẽ thấy ơn Chúa cứu-chuộc.

Amen.

Phát-Diệm, ngày 20 Décembre 1935.

† **Jean-Baptiste TÒNG.**

HẾT

Imp. My-Thang Namdinh — 3652-36